

Số: 05/NQ-HĐKĐCL

Nghệ An, ngày 04 tháng 01 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Công nghệ Miền Đông

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, Báo cáo kết quả của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Hội đồng KĐCLGD và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 04/01/2020 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ Miền Đông. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài Trường Đại học Công nghệ Miền Đông đã thực hiện đánh giá chất lượng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường.

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông cho thấy:

- Điểm trung bình lĩnh vực:

+ Đảm bảo chất lượng về chiến lược:	3,72
+ Đảm bảo chất lượng về hệ thống:	3,73
+ Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng:	3,82
+ Kết quả hoạt động:	4,08

- Không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình $\leq 2,0$ (chi tiết trong *Phụ lục 1*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Công nghệ Miền Đông thực hiện các giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng công nhận Trường Đại học Công nghệ Miền Đông đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Công nghệ Miền Đông theo quy định hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD

Chủ tịch



Trần Đình Quang



PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ Miền Đông

(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐKĐCL ngày 04/01/2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Lĩnh vực 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3,72
Tiêu chuẩn 1: Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa	3,80
Tiêu chuẩn 2: Quản trị	3,75
Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý	3,50
Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược	3,50
Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	3,50
Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực	3,71
Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	4,00
Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	4,00
Lĩnh vực 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3,73
Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	3,83
Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài	3,75
Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	3,75
Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng	3,60
Lĩnh vực 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3,82
Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học	3,80
Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	3,80
Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập	3,80
Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học	3,75
Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	4,25
Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học	3,75
Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ	3,50
Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	3,50
Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng	4,25

Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	4,08
Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo	4,00
Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học	3,83
Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng	4,00
Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường	4,50

Tổng hợp	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Số tiêu chí đạt điểm 4 trở lên	86	77,48
Số tiêu chí đạt điểm 2 trở xuống	0	0
Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 trở lên	07	28,0
Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00	0	0



PHỤ LỤC 2

Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Trường Đại học Công nghệ Miền Đông

(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐKĐCL ngày 04/01/2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ Miền Đông giai đoạn 2014 - 2019 cho thấy, Nhà trường đã có những điểm mạnh đáng ghi nhận sau:

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về chiến lược*, Sứ mạng và Tầm nhìn được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và Chiến lược phát triển của Trường, được rà soát và điều chỉnh phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước; kế hoạch chiến lược, các kế hoạch ngắn hạn cho từng lĩnh vực hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xây dựng và triển khai; cơ cấu tổ chức của Trường phù hợp với Điều lệ Trường đại học và Sứ mạng, mục tiêu phát triển của Nhà trường; chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường được quy định rõ ràng, được định kỳ rà soát, điều chỉnh; có hệ thống văn bản quản lý và hệ thống xây dựng chính sách, giám sát và cải tiến các hoạt động; có chiến lược phát triển nguồn nhân lực với quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chế độ chính sách, đánh giá công việc cán bộ rõ ràng; công tác môi trường, y tế học đường, an toàn an ninh được đảm bảo, quan hệ đối ngoại của Nhà trường được quan tâm.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về hệ thống*, Trường có mạng lưới đảm bảo chất lượng, có Kế hoạch chiến lược cùng hệ thống văn bản và các bộ chỉ số đánh giá thực hiện công việc (KPIs) về đảm bảo chất lượng; các chính sách, quy trình, thủ tục đảm bảo chất lượng được ban hành phù hợp với thực tế Nhà trường; hệ thống văn bản, cơ sở dữ liệu, thông tin đảm bảo chất lượng được lưu trữ trên phần mềm quản lý, được rà soát và bước đầu được cải tiến; có kế hoạch đánh giá nội bộ, xác định lộ trình tự đánh giá và đánh giá ngoài; đã ban hành và thực hiện quy định, quy trình lựa chọn đối tác, các tiêu chí và thông tin so chuẩn, đối sánh và đã có những cải tiến chất lượng ban đầu trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng*, Trường đã chú trọng công tác truyền thông về tuyển sinh hàng năm qua nhiều kênh truyền thông; đã thực hiện các biện pháp giám sát công tác tuyển sinh và nhập học thông qua đánh giá việc thực hiện các KPIs trong tuyển sinh, nhập học; các chương trình đào tạo được xây dựng đúng quy định, được định kỳ rà soát, điều chỉnh; việc đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá được quan tâm; các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, giám sát người học được chú trọng; có Kế hoạch chiến lược cùng hệ thống văn bản và các KPIs về nghiên cứu khoa học và quản lý tài sản trí tuệ; các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đã được xác lập cho từng giai đoạn cùng kế hoạch thực hiện cụ thể hằng năm.

+ Đối với lĩnh vực *Kết quả hoạt động*, các chỉ số về tỷ lệ người học đạt yêu cầu, tỷ lệ thôi học, mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên của Trường tốt nghiệp được xác lập và triển khai; các KPIs trong nghiên cứu khoa học và quản lý tài sản trí tuệ được giám sát, đối sánh; hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đa dạng, thu hút được sự tham gia của đông đảo cán bộ, giảng viên và sinh viên của Nhà trường và có đóng góp cho xã hội; các chỉ số tài chính được thực hiện và đối sánh, các chỉ số thị trường được xác lập phù hợp với mục tiêu phát triển của Nhà trường.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm cần cải tiến, nâng cao chất lượng (*chi tiết được nêu trong Báo cáo Đánh giá ngoài*). Hội đồng kiến nghị Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến liên tục chất lượng giáo dục theo các nhóm giải pháp trong các lĩnh vực sau:

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về chiến lược*

1. Chiến lược phát triển giai đoạn 2019 - 2024, tầm nhìn đến năm 2030 cần làm rõ các điều kiện và nguồn lực để triển khai phù hợp với thực tiễn và được chuyển tải thành các kế hoạch hoạt động cụ thể; cần xác định nhiệm vụ ưu tiên hướng dẫn các đơn vị, cá nhân giữ gìn và phát triển Giá trị văn hóa Nhà trường; cần xây dựng kế hoạch hành động với những giải pháp triển khai đồng bộ, khả thi, cụ thể hóa Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi vào trong các hoạt động của Nhà trường; quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh Tầm nhìn, Sứ mạng và cần có sự tham gia đầy đủ các bên liên quan.

2. Cần định kỳ phân tích, rà soát Hệ thống quản trị Nhà trường, đối sánh với yêu cầu thực hiện Sứ mạng, Tầm nhìn và chiến lược phát triển Nhà trường dựa vào sự cân bằng lợi ích của các bên liên quan và trách nhiệm giải trình trước xã hội; cần xây dựng và thực hiện các kế hoạch giảm thiểu rủi ro trong hoạt động của hệ thống quản trị; cần bổ sung, điều chỉnh hệ thống văn bản quản trị phù hợp với thực tiễn; cần có khung logic tổ chức thực hiện cùng hệ thống văn bản hướng dẫn chuyển tải quyết định của cơ quan quản trị thành các kế hoạch hành động cụ thể; cần áp dụng quản trị đại học tiên tiến.

3. Cần định kỳ rà soát để hoàn thiện cơ cấu tổ chức và hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý; cần ban hành hệ thống văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ và sự phối hợp giữa các thành phần trong cơ cấu tổ chức; cần phân biệt chức năng quản trị với chức năng lãnh đạo quản lý trong các hoạt động của Nhà trường; cần chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến Sứ mạng, Tầm nhìn; cần có biện pháp tăng cường sự tham gia của các bên liên quan vào các hoạt động của Nhà trường.

4. Cần xây dựng Kế hoạch chiến lược từng lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, cụ thể hóa thành các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn, hằng năm với các KPIs và lộ trình thực hiện cụ thể; cần xây dựng và triển khai quy trình lựa chọn đối tác, xác định công cụ, biện pháp quản trị rủi ro phù hợp và tiến hành đối sánh, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch chiến lược.

5. Cần xây dựng hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn và triển khai các hoạt động tập huấn xây dựng, giám sát, rà soát và đánh giá các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; cần quan tâm xây dựng các KPIs đánh giá được tác động và hiệu quả của chính sách đến sự phát triển của Nhà trường, đo lường được lợi ích và sự đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan; cần rà soát, điều chỉnh quy định và quy trình giám sát việc thực hiện các chính sách; cần phân định rõ chức năng của các đơn vị/cá nhân tham gia các hoạt động giám sát các lĩnh vực hoạt động của Trường.

6. Cần ban hành đề án vị trí việc làm, xác định cụ thể yêu cầu về chuyên môn, năng lực và thái độ, chú ý đến tính tự chủ và chịu trách nhiệm cá nhân trong công việc; cần hoàn thiện và công bố rộng rãi các văn bản quy định về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, sử dụng lao động và quy hoạch nguồn nhân lực; cần chú trọng chính sách thu hút cán bộ, giảng viên có trình độ chuyên môn cao và nghiệp vụ sư phạm tốt về trường; cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên; cần xây dựng quy trình và tiêu chí cụ thể để đánh giá năng lực cũng như mức độ hoàn thành nhiệm vụ với từng loại đối tượng lao động.

7. Cần ban hành các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn về công tác tài chính, định kỳ đánh giá hiệu quả đầu tư và thực hiện cải tiến công tác tài chính trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; cần chú trọng xây dựng kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá hiệu quả và thực hiện cải tiến cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, các nguồn lực học tập, điều kiện chăm sóc sức khỏe; cần có lộ trình thực hiện số hóa nguồn học liệu tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

8. Cần xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển mạng lưới đối tác và quan hệ đối ngoại, cụ thể hóa thành các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn, hằng năm với các KPIs cụ thể; cần có giải pháp tăng cường thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trong và nước ngoài; cần có chính sách khuyến khích các đơn vị, cá nhân trong Trường chủ động tham gia công tác đối ngoại; cần định kỳ đánh giá hiệu quả của các mối quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác trong các lĩnh vực hoạt động; cần hoàn thiện quy trình, quy định và công cụ rà soát, đánh giá các KPIs trong công tác đối ngoại để cải tiến.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về hệ thống*

9. Cần xây dựng và tổ chức hoạt động hiệu quả đối với mạng lưới đảm bảo chất lượng bên trong; cần hoàn thiện hệ thống văn bản về công tác đảm bảo chất lượng; cần có kế hoạch rà soát, điều chỉnh các nội dung, lộ trình, các chỉ số thực hiện, mức độ ưu tiên... trong Chiến lược đảm bảo chất lượng từng giai đoạn phù hợp với thực tiễn; Kế hoạch đảm bảo chất lượng trung hạn, hằng năm cần được triển khai đồng bộ trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; việc thiết lập, triển khai, rà soát và cải tiến KPIs trong các lĩnh vực hoạt động cần được thực hiện liên tục; cần tăng cường sự tham gia của các bên liên quan trong các hoạt động của Nhà trường.

10. Cần có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng; cần có giải pháp để các bên liên quan trong Trường được tham gia đầy đủ và hiệu quả các hoạt động xây dựng, triển khai, giám sát việc thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng; cần ban hành văn bản quy định và hướng dẫn rà soát, điều chỉnh và cải tiến quá trình tự đánh giá; cần xây dựng kế hoạch kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo của Nhà trường.

11. Cần nghiên cứu phát triển hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong; cần triển khai thực hiện quản trị Nhà trường bằng phần mềm tích hợp, đảm bảo tính toàn diện, thống nhất, bảo mật và an toàn trong quản lý và liên kết dữ liệu cũng như hỗ trợ kịp thời, hiệu quả cho việc ra quyết định; cần định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cải tiến hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng của Nhà trường trên cơ sở phản hồi của các bên liên quan; thông tin đảm bảo chất lượng cần được phân tích, đánh giá đầy đủ, chú trọng phân tích xu hướng và sử dụng thông tin để hỗ trợ các hoạt động của Trường.

12. Cần có kế hoạch tổng thể về nâng cao chất lượng Nhà trường, chú ý đến tính liên tục về thời gian thực hiện, các KPIs và xu hướng cải thiện; cần ban hành hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn so chuẩn, đối sánh chất lượng cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo với các tiêu chí và thang đo phù hợp; cần thực hiện so chuẩn, đối sánh chất lượng một cách hệ thống, chú ý tham chiếu các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước có sự tương đồng với Nhà trường; cần định kỳ rà soát, điều chỉnh các tiêu chí lựa chọn đối tác so chuẩn, đối sánh chất lượng; cần sử dụng kết quả đối sánh để bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các đơn vị/cá nhân đổi mới, sáng tạo.

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng*

13. Cần phân tích, đánh giá và đối sánh các chỉ số tuyển sinh và nhập học hàng năm; cần đánh giá số lượng và chất lượng sinh viên nhập học để có những điều chỉnh trong chiến lược tuyển sinh, chính sách và phương thức tuyển chọn phù hợp với từng ngành nghề đào tạo; cần quan tâm đánh giá nhu cầu xã hội, cải tiến công tác truyền thông, chú trọng quảng bá tuyển sinh gắn với các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng để thu hút người học.

14. Cần rà soát quy trình xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo, chú ý tham chiếu Khung trình độ quốc gia và các quy định hiện hành; xây dựng ma trận chuẩn đầu ra các môn học/học phần gắn với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; các phương thức kiểm tra, đánh giá người học đảm bảo đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra; cần tham khảo và đối sánh với chương trình đào tạo tương tự của các cơ sở giáo dục đại học khác khi rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo; cần huy động sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan trong quá trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo.

15. Cần có kế hoạch triển khai đồng bộ triết lý giáo dục của Nhà trường trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; cần có các chính sách và

cơ chế thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ; cần có cơ chế và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác của cán bộ, giảng viên và nhân viên; cần đầu tư các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, gắn kết đào tạo với thực tiễn và doanh nghiệp; cần tăng cường lấy ý kiến các bên liên quan về các điều kiện giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hỗ trợ người học; cần có cơ chế giám sát việc tiếp thu, sử dụng các ý kiến phản hồi nhằm cải tiến liên tục chất lượng giáo dục.

16. Các văn bản quy định về kiểm tra, đánh giá người học cần được rà soát, điều chỉnh và cụ thể hóa bằng các tiêu chí, nội dung, quy trình thực hiện và hướng dẫn thực hiện; thông tin cập nhật về nội dung, phương thức, mức độ đánh giá cần được thể hiện đầy đủ vào đề cương chi tiết; cần nghiên cứu sử dụng các phương thức kiểm tra đánh giá đa dạng, phù hợp với từng học phần để đảm bảo đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra; xây dựng ngân hàng đề thi phù hợp với các hình thức kiểm tra đánh giá; cần tăng cường rà soát, đánh giá hoạt động kiểm tra, đánh giá, định kỳ phân tích dữ liệu kết quả kiểm tra đánh giá, khảo sát lấy ý kiến của người học để có thông tin phản hồi làm cơ sở điều chỉnh hoạt động dạy-học, chương trình đào tạo cũng như chuẩn đầu ra.

17. Cần xây dựng hệ thống văn bản về kiểm tra, giám sát công tác tư vấn, hỗ trợ và giám sát người học; cần xây dựng kế hoạch hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập; cần có kế hoạch định hướng và hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, chú trọng thực hành, thực tập nghề nghiệp; cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ cán bộ hỗ trợ và định kỳ khảo sát ý kiến của người học về đội ngũ cán bộ hỗ trợ; cần xây dựng cơ sở dữ liệu về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học, định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả để cải tiến chất lượng.

18. Cần xây dựng các chính sách và cơ chế tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học trong cán bộ, giảng viên và người học; cần xây dựng kế hoạch tham gia xếp hạng nghiên cứu khoa học cơ sở giáo dục đại học; cần tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp, gia tăng nghiên cứu gắn với thực tiễn và chuyển giao công nghệ; cần xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ của Trường; cần định kỳ đánh giá, rà soát, điều chỉnh KPIs nghiên cứu khoa học để cải tiến chất lượng liên tục.

19. Cần nghiên cứu xây dựng Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức khoa học đối với cán bộ, giảng viên và người học; cần có chiến lược gia tăng các sản phẩm trí tuệ trong các lĩnh vực có thế mạnh và tiềm năng; cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến về công tác sở hữu trí tuệ; cần tăng cường giám sát và hỗ trợ cán bộ, giảng viên, người học thực hiện đúng Luật Sở hữu trí tuệ và bảo hộ quyền tác giả, tuân thủ các quy định về trích dẫn trong nghiên cứu; cần sử dụng các phần mềm bản quyền phát hiện những vi phạm về sở hữu trí tuệ.

20. Cần có các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn về tìm kiếm đối tác, xác định đối tác chiến lược của Nhà trường; cần xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển mạng lưới hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; cần xây dựng các

KPIs về hợp tác trong nghiên cứu, định kỳ rà soát, điều chỉnh để đảm bảo hoạt động hợp tác với các đối tác thiết thực và hiệu quả; cần có cơ chế khuyến khích cán bộ, giảng viên Nhà trường chủ động trao đổi học thuật và tìm kiếm đối tác; cần hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu để tăng cường công bố khoa học, thực hiện các đề tài cũng như hỗ trợ, thúc đẩy chuyển giao công nghệ; cần tìm kiếm giải pháp hữu hiệu để triển khai các thỏa thuận đã ký kết.

21. Cần ban hành các văn bản quy định về công tác quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng; cần tăng cường phổ biến rộng rãi về các loại hình kết nối và phục vụ cộng đồng mà Nhà trường đang thực hiện để các bên liên quan hiểu đúng và cùng tham gia; cần rà soát, điều chỉnh các KPIs cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng để đo lường được mức độ hài lòng và lợi ích của các bên liên quan; cần định kỳ thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường, sử dụng các chỉ số đo lường phản hồi để định kỳ rà soát, đánh giá và cải tiến.

+ Đối với lĩnh vực *Kết quả hoạt động*

22. Cần khẩn trương có kế hoạch tuyển sinh cho các chương trình đào tạo mới được cấp phép; cần phân tích và đối sánh tình hình sinh viên nghỉ học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp; cần xây dựng các quy trình, phương pháp, công cụ, chỉ số... thu thập thông tin của các bên liên quan về chất lượng sinh viên tốt nghiệp; cần khảo sát thường xuyên nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động để cải tiến chất lượng từng ngành đào tạo của Trường.

23. Cần có giải pháp thúc đẩy cán bộ, giảng viên gia tăng hoạt động nghiên cứu khoa học, công bố quốc tế, đăng ký bản quyền tài sản trí tuệ; cần có chính sách khuyến khích, hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động chuyên môn, khởi nghiệp sáng tạo; cần định kỳ rà soát, đối sánh và cải tiến gia tăng loại hình, số lượng và chất lượng công bố khoa học; cần đẩy mạnh quá trình thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao công nghệ; cần thực hiện đối sánh, điều chỉnh ngân quỹ cho từng loại hoạt động khoa học để có kế hoạch điều chỉnh mức đầu tư phù hợp.

24. Cần xây dựng hệ thống văn bản quy định cụ thể về loại hình và khối lượng hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, chú ý đến các chương trình học tập phục vụ cộng đồng và sự quảng bá hình ảnh của Trường; cần có chính sách khuyến khích cán bộ, giảng viên và người học tham gia hiệu quả các hoạt động; cần xây dựng hệ thống dữ liệu về kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội, sự hài lòng và lợi ích của các bên liên quan; cần định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng để cải tiến chất lượng.

25. Cần hoàn thiện hệ thống KPIs tài chính trong từng lĩnh vực hoạt động; cần đối sánh các chỉ số tài chính liên tục để đánh giá được xu hướng, từ đó có những điều chỉnh phù hợp về chính sách và KPIs tài chính; cần xây dựng KPIs về thị trường giáo dục của

hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng trong kế hoạch phát triển; cần nghiên cứu hoàn thiện quy trình, phương pháp, công cụ... thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường trong các hoạt động.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 07/2022), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh theo quy định.

----oOo----

